TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 15/2020/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 04 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 37/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Chu Thị T, sinh năm 1992.

Nơi ĐKHKTT: Đội 01, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Đội 08B, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

* Bị đơn: Anh Lò Văn P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Đội 01, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Chu Thị T và anh Lò Văn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị T và anh Lò Văn P thuận tình ly hôn.

2.2**.** Về con chung: Giao cho chị Chu Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lò Thị Quế C, sinh ngày 15/10/2014 cho đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, thì mỗi bên đương sự phải chịu 75.000đ án phí DSST, nhưng chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003324 ngày 06/02/2020, chị T được trả lại số tiền 150.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Điện Biên;*
- *VKSND huyện ĐB;*
- *Chi cục THADS huyện Đ.B;*
- *UBND xã T.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thanh Thủy